

TỶ GIÁ HỒI ĐOÁI

1. Vai trò của tỷ giá hối đoái đối với phát triển kinh tế
2. Cơ chế hình thành tỷ giá hối đoái ngắn hạn & dài hạn

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

1. Sự ra đời & phát triển
2. Tác nhân
3. Hoạt động của thị trường ngoại hối

SỰ RA ĐỜI & PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

1. Sự ra đời & quá trình phát triển của thị trường ngoại hối gắn liền với sự ra đời & phát triển của quan hệ kinh tế quốc tế & được bắt đầu từ quan hệ thương mại (*ngoại thương*), tiếp đến là đầu tư quốc tế,...
2. Lý do là tồn tại đồng tiền riêng của mỗi quốc gia
3. Khái niệm: thị trường ngoại hối là nơi diễn ra việc chuyển đổi, mua bán giữa các đồng tiền của các quốc gia

ĐẶC ĐIỂM CỦA THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

1. Là thị trường trao tay
2. Hoạt động liên tục ngày đêm, có tính chất toàn cầu (*tính chất quốc tế hoá cao*)
3. Có qui mô giao dịch lớn & tần suất giao dịch cao
4. Gắn liền với các phương tiện thông tin & công nghệ hiện đại
5. Tập trung ở khu vực đô thị & thương mại lớn

CÁC TÁC NHÂN THAM GIA VÀO THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

1. NHTM nhằm các mục đích
 - Cung cấp dịch vụ
 - Tìm kiếm lợi nhuận
 - Tham gia quản lý
2. Các nhà đầu tư nhằm mục đích vay vốn, mua (bán) hàng hoá – dịch vụ, chi trả tiền lương, chuyển thu nhập,...
3. Các cá nhân nhằm mua (bán) ngoại tệ thực hiện nhu cầu du lịch, dịch vụ,...
4. NHTW nhằm tổ chức, kiểm soát & ổn định thị trường ngoại hối

TÍNH CHẤT CỦA THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

1. Quốc tế
2. Sử dụng Công nghệ thông tin hiện đại nhất
3. Xác định tỷ giá hối đoái

cuu duong than cong. com

CÁC NGHIỆP VỤ NGOẠI HỐI CHỦ YẾU

- Nghiệp vụ ngoại hối giao ngay (*Spot Operations*) (1)
- Nghiệp vụ ngoại hối Ácbít (*Arbitrage Operations*) (2)
- Nghiệp vụ ngoại hối thời hạn (*Forward Operations*)(3)
- Nghiệp vụ ngoại hối cầm cố, hoán đổi
(*Swap Operations*) (4)
- Nghiệp vụ ngoại hối quyền chọn mua (*Call Option*) (5)
- Nghiệp vụ ngoại hối quyền chọn bán (*Put Option*) (6)
- Nghiệp vụ ngoại hối hợp đồng tương lai
(*Future Contract*) (7)

CÁC NGHIỆP VỤ NGOẠI HỐI CHỦ YẾU (*tiếp*)

- (1) Là hoạt động “*thanh toán*” diễn ra đồng thời (*thời gian là 2 ngày*) với hoạt động “*giao dịch*”
- (2) Là hoạt động kinh doanh “*thu lợi*” từ chênh lệch giá của các NHTM
- (3) Là hoạt động “*thanh toán*” diễn ra sau (*thời gian có thể từ 1 đến 3 tháng*) hoạt động “*giao dịch*”
- (4) Là hoạt động “*thanh toán*” kết hợp nghiệp vụ (1) & (2) nhằm khắc phục rủi ro tỷ giá do tác động của thời gian

CÁC NGHIỆP VỤ

NGOẠI HỐI CHỦ YẾU (*tiếp*)

- (5) Là hoạt động “giao dịch” ngoại hối có liên quan đến người mua hay người bán lựa chọn “quyền chọn mua”
- (6) Là hoạt động “giao dịch” ngoại hối có liên quan đến người mua hay người bán lựa chọn “quyền chọn bán”
- (7) Là hoạt động thực hiện “hợp đồng tương lai” có liên quan đến xác định “tỷ giá giao dịch tương lai” ở thời điểm hợp đồng được ký kết

TỶ GIÁ HỒI ĐOÁI

1. Khái niệm

2. Cách biểu hiện

- Trực tiếp (Nội tệ/Ngoại tệ)
- Gián tiếp (Ngoại tệ/Nội tệ)

3. Những tác động quan trọng

- Trực tiếp & quan trọng nhất là Cán cân thương mại
- Cán cân thanh toán
- Cân bằng ngoại
- Cân bằng nội
- Các mục tiêu kinh tế vĩ mô

TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI LÀ GÌ?

1. Là giá cả trên thị trường ngoại hối
2. Là giá của một đồng tiền này được tính theo một đồng tiền khác
3. Ký hiệu là (E)
4. Ví dụ: tỷ giá chính thức được niêm yết cho 1 số đồng tiền trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng (TTNTLNH) Việt Nam ngày 17/10/2008 là
 - 1 USD = 16540 VND (mua) & 16600 VND (bán)
 - 1 GBP = 28422 VND (mua) & 28586 VND (bán)
 - 1 EUR = 22231 VND (mua) & 22572 VND (bán)

CÁCH BIỂN HIỆN TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

1. Trục tiếp (Nội tệ/Ngoại tệ) $\rightarrow E(\text{Đ}/\$) = 16570$
 - Tại Việt Nam $1 \text{ VND} = 1/16570 \text{ USD} = 0,00006036 \text{ USD}$
 - Tại Anh $1 \text{ GBP} = 1,7184 \text{ USD}$
 - Tại EU $1 \text{ EUR} = 1,3647 \text{ USD}$
 - **$E(\text{Đ}/\$)$ quan hệ nghịch với Đồng (VND)**
2. Gián tiếp (Ngoại tệ/Nội tệ) $\rightarrow E(\$/\text{Đ}) = 1/16570$
 - Tại Việt Nam $1 \text{ USD} = 16570 \text{ VND}$
 - Tại Anh $1 \text{ USD} = 0,5819 \text{ GBP}$
 - Tại EU $1 \text{ USD} = 0,7440 \text{ EUR}$
 - **$E(\$/\text{Đ})$ quan hệ thuận với Đồng (VND)**

BIỂU HIỆN TỶ GIÁ TRỰC TIẾP

1. Biểu hiện tỷ giá trực tiếp là phương pháp biểu hiện so sánh Nội tệ/Ngoại tệ
2. Ví dụ với Việt Nam: Nội tệ là VND (Đ) & Ngoại tệ là tất cả các đồng tiền của các nước. Giả sử chúng ta chọn đồng Ngoại tệ đại diện là đồng Đôla Mỹ USD (\$). Chúng ta có $E(\text{Đ}/\$)$ là tỷ giá biểu hiện trực tiếp
3. **Nếu $1\$ = 16.000\text{Đ} \rightarrow E(\text{Đ}/\$) = 16.000/1 = 16.000$**

BIỂU HIỆN TỶ GIÁ GIÁN TIẾP

1. Biểu hiện tỷ giá gián tiếp là phương pháp biểu hiện so sánh Ngoại tệ/Nội tệ
2. Ví dụ với Việt Nam: Nội tệ là VND (Đ) & Ngoại tệ là tất cả các đồng tiền của các nước. Giả sử chúng ta chọn đồng Ngoại tệ đại diện là đồng Đôla Mỹ USD (\$). Chúng ta có $E(\$/\text{Đ})$ là tỷ giá biểu hiện gián tiếp
3. **Nếu $1\$ = 16.000\text{Đ} \rightarrow E(\$/\text{Đ}) = 1/16.000 = 1/16.000$**

CHÚ Ý

1. Đồng Nội tệ có quan hệ nghịch với tỷ giá biểu hiện trực tiếp
2. Đồng Nội tệ có quan hệ thuận với tỷ giá biểu hiện gián tiếp
3. Đồng Nội tệ & Ngoại tệ luôn có quan hệ nghịch với nhau trong quan hệ tỷ giá hối đoái

TÁC ĐỘNG CỦA TỶ GIÁ HỐI ĐOẢI

1. Thay đổi mức giá cả tương đối giữa các nước
2. Thay đổi cán cân thương mại (CCTM) của một nước
3. Thay đổi cán cân thanh toán (CCTT) của một nước → Thay đổi cân bằng ngoại
4. Thay đổi cân bằng nội (TTTT_ê) của một nước
5. Thay đổi i hoặc M_1 của một nước
6. Thay đổi các mục tiêu của CSTT & chính sách kinh tế vĩ mô

CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

1. Cơ chế xác định tỷ giá dài hạn (E_{LR})
 - Căn cứ xác định (E^*_{LR})
 - Qui luật 1 giá
 - Thuyết ngang giá sức mua (PPP)
 - Cung - cầu trên thị trường ngoại hối
 - Những nhân tố làm thay đổi (E^*_{LR})
 - PL, Thuế quan & quota, Sở thích & NSLĐ
2. Cơ chế xác định tỷ giá ngắn hạn (E_{SR})
 - Thị trường tài sản & (E^*_{SR})
 - Những nhân tố làm thay đổi (E^*_{SR})

CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH (E^*_{LR})

1. Qui luật 1 giá
2. Thuyết ngang giá sức mua (PPP)
3. Quan hệ cung - cầu trên thị trường ngoại hối

QUI LUẬT 1 GIÁ

1. Nội dung: nếu 2 nước sản xuất cùng 1 loại hàng hoá, thì giá của nó sẽ như nhau trên thị trường thế giới
2. Điều kiện thực hiện
 - Có sự thương mại tự do giữa các quốc gia
 - Chi phí vận chuyển hàng hoá giữa các nước không đáng kể
3. Ví dụ: VN & Mỹ cùng SX gạo. Gạo VN có giá 3.400.000Đ/tấn. Gạo Mỹ có giá \$200/tấn. Theo qui luật 1 giá → $E(\text{Đ}/\$) = 3.400.000/200 = 17.000$. Nếu xác định tỷ giá khác đi sẽ làm cầu về gạo của VN hoặc Mỹ sẽ → 0. Việc trao đổi chỉ bình thường ở tỷ giá 1 USD = 17.000 VND

QUI LUẬT 1 GIÁ (*tiếp*)

4. Công thức thể hiện qui luật 1 giá

Gọi P^i_{USD} là giá hàng hoá (i) tính bằng (\$) khi nó được bán ở Mỹ & P^i_{VND} là giá hàng hoá (i) tính bằng (Đ) khi nó được bán tại Việt nam. **Ta có: $P^i_{VND} = [E(Đ/\$)*P^i_{USD}] \rightarrow E(Đ/\$) = P^i_{VND} / P^i_{USD}$**

5. Hạn chế

- Bỏ qua vấn đề chất lượng hàng hoá giữa các nước
- Chưa tính đến tác động của chi phí vận chuyển

THUYẾT NGANG GIÁ SỨC MUA (PPP)

1. Nội dung

- Là sự vận dụng qui luật 1 giá vào thay đổi mức giá cả hàng hoá - dịch vụ (PL) của 2 nước
- Nếu giá cả hàng hoá - dịch vụ của một nước tăng lên bao nhiêu đơn vị thì giá trị đồng tiền của nước đó sẽ giảm giá đi bấy nhiêu đơn vị & ngược lại

2. Ví dụ

Tiếp ví dụ qui luật 1 giá. Nếu giá gạo VN tăng lên 10% lên 3.740.000 đ/tấn nhưng giá gạo của Mỹ vẫn giữ nguyên thì $E(\text{Đ}/\$)$ = 18.700 cũng tăng lên $(18.700 - 17.000)/17.000 = 10\%$ hay (Đ) giảm giá 10%

THUYẾT NGANG GIÁ SỨC MUA PPP (tiếp)

3. Áp dụng: nếu lạm của một nước tăng lên bao nhiêu (%) thì đồng tiền nước đó sẽ giảm giá bấy nhiêu (%)

4. Hạn chế

- Vẫn là những hạn chế của qui luật 1 giá
- Có thêm hạn chế tính cả những biến động về giá cả của những hàng hoá không được đem thương mại trên thị trường thế giới vào tỷ giá hối đoái

cuuduongthancong.com

QUAN HỆ CUNG - CẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

1. Cung ngoại tệ một nước phụ thuộc
 - Cầu của người nước ngoài về hàng hoá, dịch vụ, tài sản 1 nước
 - Cầu của người nước ngoài về đầu tư vào 1 nước
 - Cầu của người nước ngoài về du lịch vào 1 nước
2. Cầu ngoại tệ một nước phụ thuộc
 - Cầu của người 1 nước về hàng hoá, dịch vụ, tài sản nước ngoài
 - Cầu của người 1 nước về đầu tư ra nước ngoài
 - Cầu của người 1 nước về du lịch ra nước ngoài

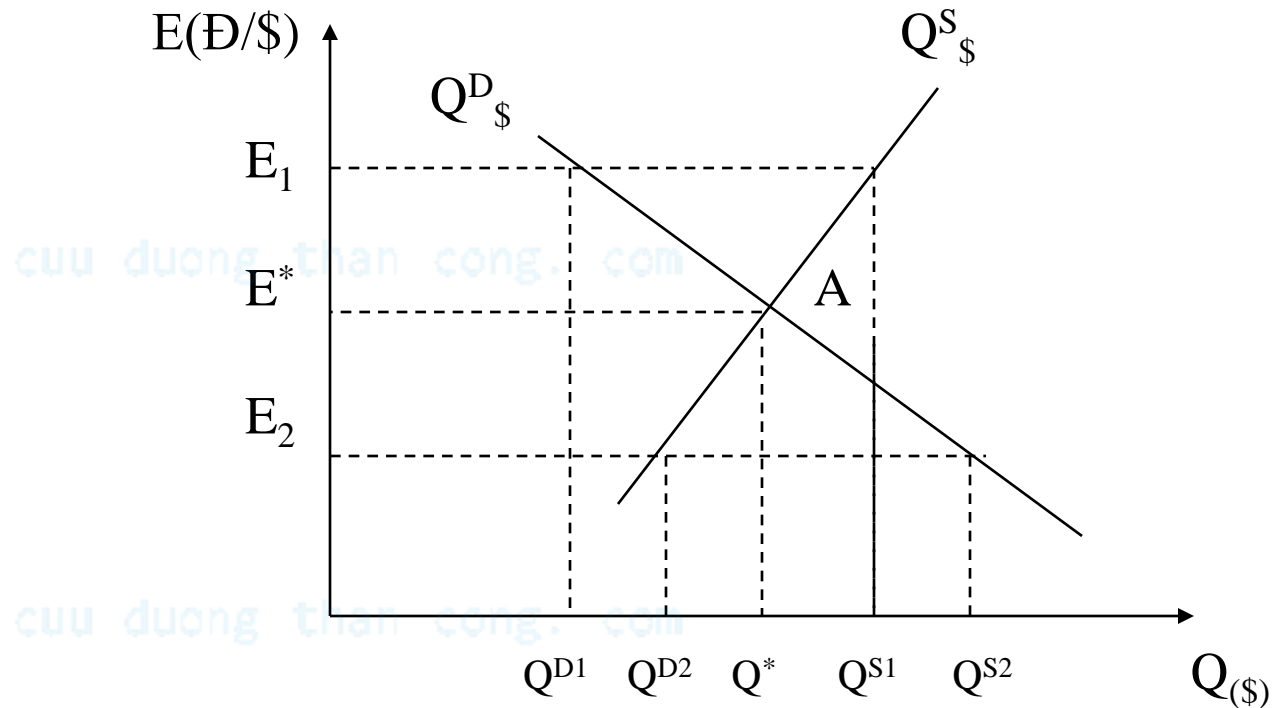
QUAN HỆ CUNG - CẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI (*tiếp*)

3. Khi $E(\text{Đ}/\$)$ tăng lên Đ giảm giá

- Khuyến khích xuất khẩu & hạn chế nhập khẩu
- $Q^S_{\$}$ tăng, dốc lên. Còn $Q^D_{\$}$ giảm, dốc xuống.
- Tại điểm $Q^S_{\$}$ cắt $Q^D_{\$}$ xác định điểm cân bằng trên thị trường ngoại hối, có E^*_{LR} & $Q^*_{\$}$.
- Phản ánh cơ chế tự điều chỉnh & vận động của thị trường ngoại hối

QUAN HỆ CUNG - CẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỒI (*tiếp*)

4. Đồ thị



* Tại $E_1 > E^* \rightarrow Q^{S1} > Q^{D1} \rightarrow$ dư cung ngoại tệ $\rightarrow E_1$ giảm $\rightarrow E^*$

* Tại $E_1 < E^* \rightarrow Q^{S2} < Q^{D2} \rightarrow$ dư cầu ngoại tệ $\rightarrow E_2$ tăng $\rightarrow E^*$

NHỮNG NHÂN TỐ THAY ĐỔI E^*_{LR}

1. Mức giá cả hàng hoá - dịch vụ một nước (PL)
2. Thuế quan & Quota
3. Sở thích của người tiêu dùng
4. Năng suất lao động

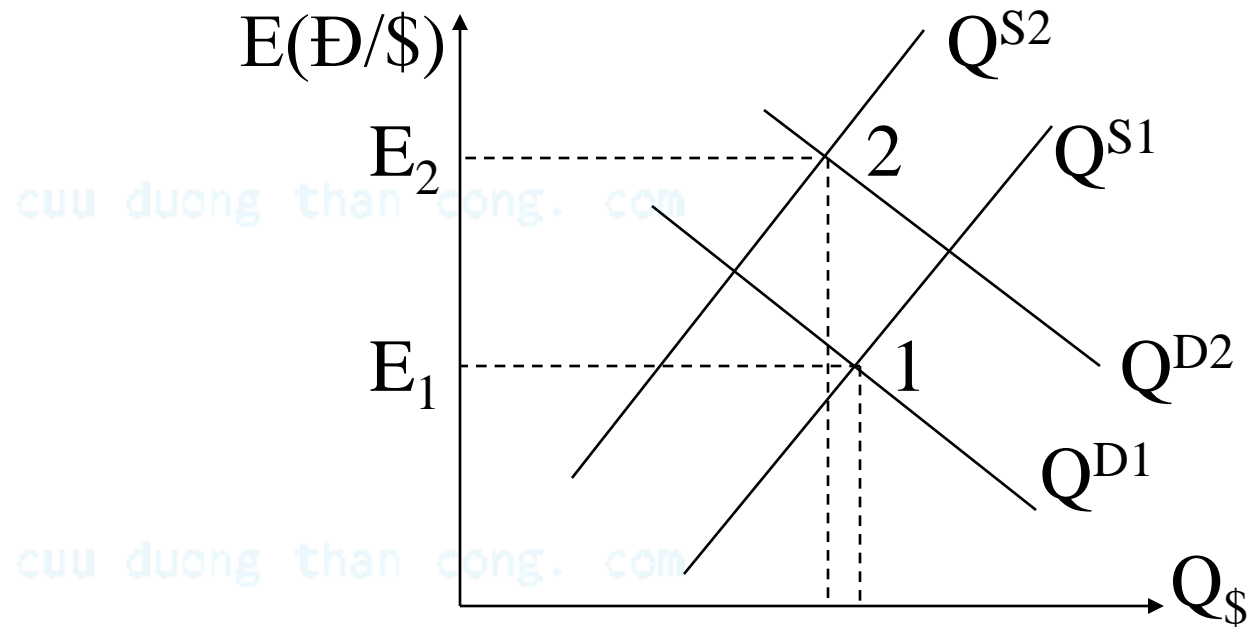
PL TĂNG LÊN

1. Tác động

PL tăng \rightarrow chi phí sản xuất tăng, giá cả tăng \rightarrow giảm khả năng cạnh tranh của hàng hoá - dịch vụ 1 nước so với hàng hoá - dịch vụ của nước ngoài \rightarrow hạn chế xuất khẩu, $Q^S_{\$}$ giảm, dịch trái & khuyến khích nhập khẩu, $Q^D_{\$}$ tăng, dịch phải. Kết quả kéo E^*_{LR} tăng lên, làm giá trị của đồng nội tệ (VND) giảm

PL TĂNG LÊN (*tiếp*)

2. Đồ thị



THUẾ QUAN & QUOTA TĂNG LÊN

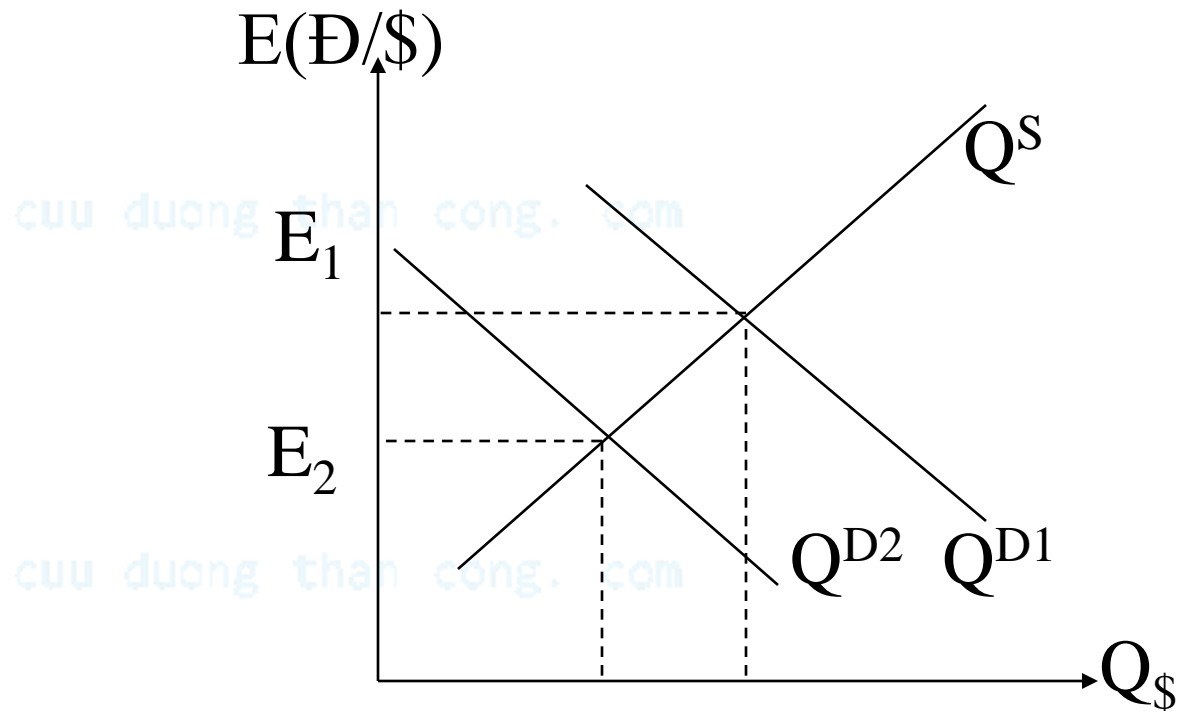
1. Tác động

- Chính sách Thuế quan & Quota mục đích là hạn chế nhập khẩu $\rightarrow Q^D_{\$}$ giảm, dịch trái, kéo E^* giảm & đồng nội tệ (VND) tăng giá
- Kết quả tác động làm tăng giá trị đồng nội tệ của chính sách Thuế quan & Quota đã tạo ra nghịch lý của chính sách Thuế quan & Quota

cuu duong than cong. com

THUẾ QUAN & QUOTA TĂNG LÊN (*tiếp*)

2. Đồ thị



THÍCH HÀNG NỘI HƠN HÀNG NGOẠI

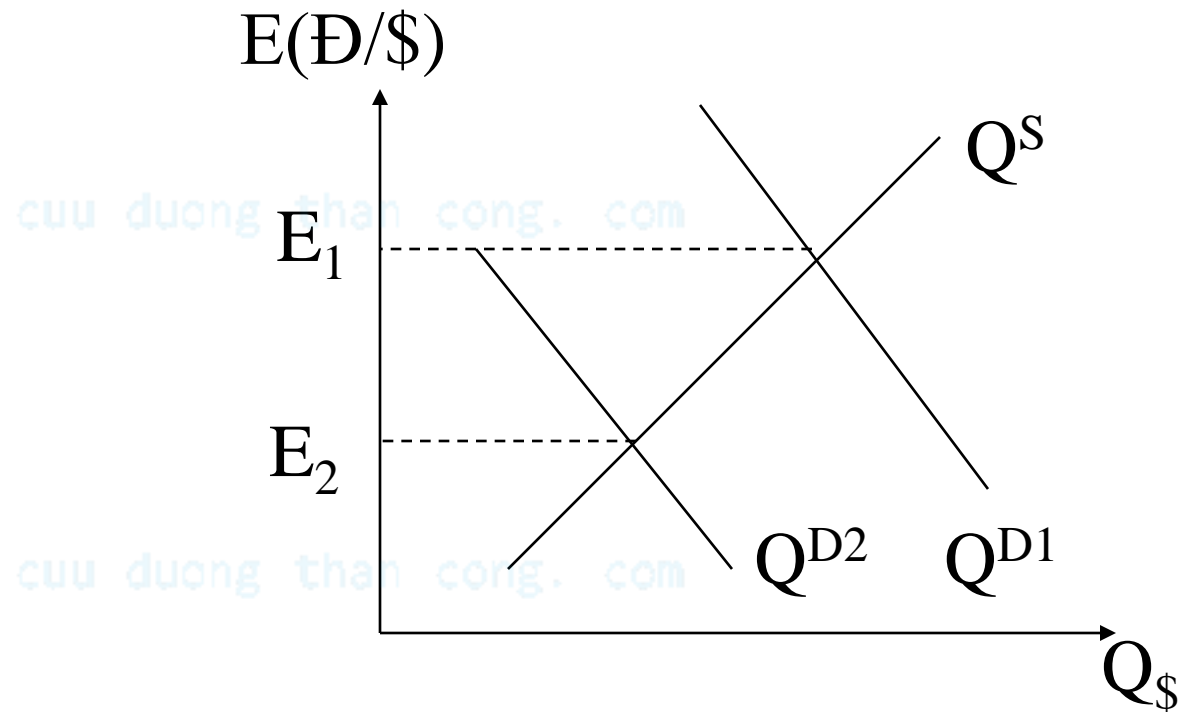
Tác động

Thích hàng nội hơn hàng ngoại \rightarrow cầu hàng ngoại giảm $\rightarrow Q^D_{\$}$ giảm, dịch trái, kéo E^*_{LR} giảm & đồng nội tệ tăng giá. Giống như tác động của chính sách Thuế quan & Quota

cuu duong than cong. com

THÍCH HÀNG NỘI HƠN HÀNG NGOẠI (*tiếp*)

2. Đồ thị



THÍCH HÀNG NGOẠI HƠN HÀNG NỘI

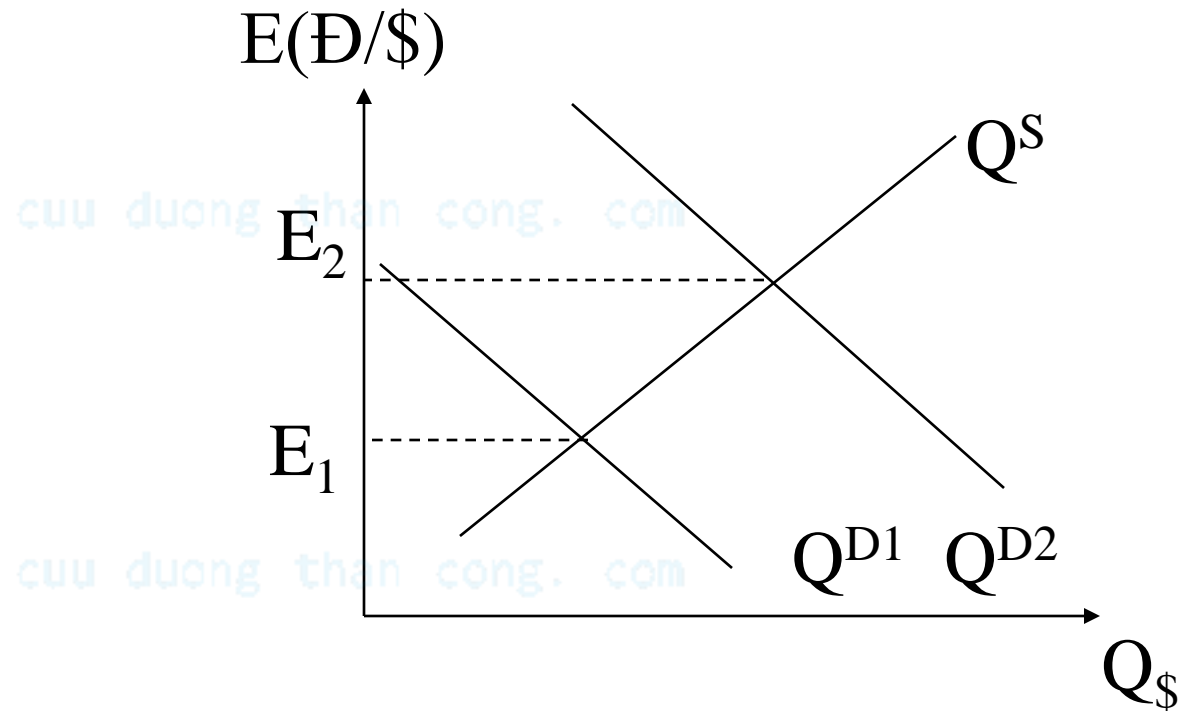
Tác động

Thích hàng ngoại hơn hàng nội \rightarrow cầu hàng ngoại tăng $\rightarrow Q^D_{\$}$ tăng, dịch phải, kéo E^*_{LR} tăng & đồng nội tệ giảm giá (*ngược với trường hợp thích hàng nội hơn hàng ngoại*)

cuu duong than cong. com

THÍCH HÀNG NGOẠI HƠN HÀNG NỘI (tiếp)

2. Đồ thị



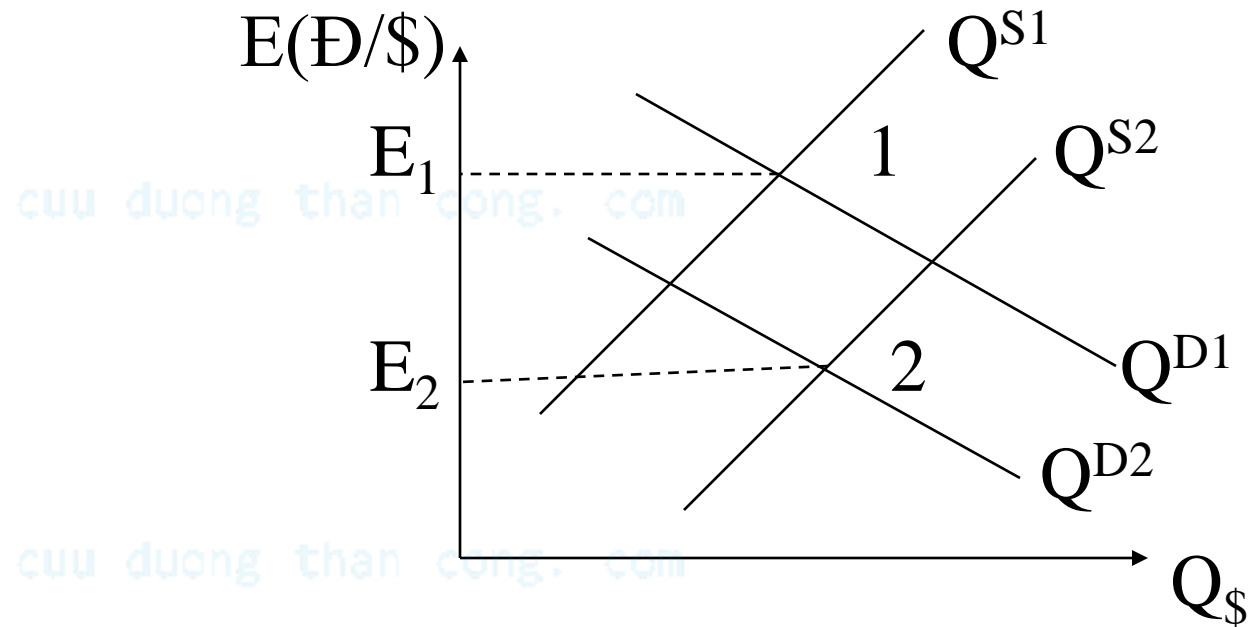
NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG TĂNG LÊN

1. Tác động

NSLĐ tăng \rightarrow chi phí sản xuất giảm, giá cả giảm \rightarrow tăng khả năng cạnh tranh của hàng hoá - dịch vụ 1 nước so với hàng hoá - dịch vụ của nước ngoài \rightarrow khuyến khích xuất khẩu, $Q^S_{\$}$ tăng, dịch phải & hạn chế nhập khẩu, $Q^D_{\$}$ giảm, dịch phải. Kết quả kéo E^*_{LR} giảm xuống, làm giá trị của đồng nội tệ (VND) tăng lên. Ngược lại với trường hợp PL tăng lên.

NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG TĂNG LÊN (tiếp)

2. Đồ thị



TỔNG HỢP CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG E^*_{LR}

Nhân tố		Biến động	
		$E^*_{LR}(\text{Đ}/\$)$	Đồng Nội tệ(Đ)
PL	tăng	tăng	giảm giá
T&Q	tăng	giảm	tăng giá
Cầu NK	tăng	tăng	giảm giá
Cầu XK	tăng	giảm	tăng giá
NSLĐ	tăng	giảm	tăng giá

CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH (E^*_{SR})

1. Thị trường tài sản & (E^*_{SR})

- So sánh lợi tức tài sản nội tệ với ngoại tệ
- Điều kiện cân bằng trên thị trường tài sản
- Thị trường tài sản & (E^*_{SR}) – Mô tả trên đồ thị

2. Những nhân tố làm thay đổi (E^*_{SR})

- Những nhân tố làm dịch chuyển RET^D
- Những nhân tố làm dịch chuyển RET^S

SO SÁNH LỢI TỨC CỦA TÀI SẢN NỘI TỆ VỚI NGOẠI TỆ

Các khái niệm

- $RET^{\text{Đ}}$ là tỷ suất lợi tức tiền gửi nội tệ ở ngân hàng trong nước
- $RET^{\text{\$}}$ là tỷ suất lợi tức tiền gửi ngoại tệ ở ngân hàng nước ngoài
- $(i^{\text{Đ}})$ là lãi suất tiền gửi nội tệ & $(i^{\text{\$}})$ là lãi suất tiền gửi ngoại tệ
- $RET(\text{Đ})$ thể hiện tỷ suất lợi tức của tài sản nội tệ & cả ngoại tệ tính theo nội tệ
- $RET(\text{\$})$ thể hiện tỷ suất lợi tức của tài sản nội tệ & cả ngoại tệ tính theo ngoại tệ

SO SÁNH LỢI TỨC CỦA TÀI SẢN NỘI TỆ VỚI NGOẠI TỆ - TÍNH THEO NỘI TỆ RET(₫)

- $RET^{\text{₫}} \rightarrow RET(\text{₫}) = i^{\text{₫}}$, không phụ thuộc $E(\text{₫}/\$)$
- $RET^{\$} \rightarrow RET(\text{₫}) = i^{\$}$ cộng (+) tỷ lệ tăng giá của đồng ngoại tệ hay trừ (-) tỷ lệ tăng giá của đồng nội tệ
- Tỷ lệ tăng giá của đồng nội tệ hay ngoại tệ đều là biểu thức $(E_{t+1}^e - E_t)/E_t$
- $RET^{\$} \rightarrow RET(\text{₫}) = i^{\$} + (E_{t+1}^e - E_t)/E_t$ (tăng giá ngoại tệ) hay
- $RET^{\$} \rightarrow RET(\text{₫}) = i^{\$} - (E_{t+1}^e - E_t)/E_t$ (tăng giá nội tệ)

ĐIỀU KIỆN CÂN BẰNG TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN

1. Thị trường tài sản cân bằng khi tỷ suất lợi tức của tài sản nội tệ = tỷ suất lợi tức của tài sản ngoại tệ. Cụ thể:
cuu duong than cong. com
2. $RET^{\text{Đ}} = RET^{\text{\$}}$ hay
3. $i^{\text{Đ}} = i^{\text{\$}} + (E^e_{t+1} - E_t)/E_t$ (tăng giá ngoại tệ)
hay
cuu duong than cong. com
4. $i^{\text{Đ}} = i^{\text{\$}} - (E^e_{t+1} - E_t)/E_t$ (tăng giá nội tệ)

SO SÁNH LỢI TỨC CỦA TÀI SẢN NỘI TỆ VỚI NGOẠI TỆ - TÍNH THEO NGOẠI TỆ $RET(\$)$

- $RET^{\$} \rightarrow RET(\$) = i^{\$}$, không phụ thuộc $E(\text{Đ}/\$)$
- $RET^{\text{Đ}} \rightarrow RET(\$) = i^{\text{Đ}}$ (+) tỷ lệ tăng giá của đồng nội tệ hay (-) tỷ lệ tăng giá của đồng ngoại tệ
- Tỷ lệ tăng giá của đồng nội tệ hay ngoại tệ đều là biểu thức $(E^e_{t+1} - E_t)/E_t$
- $RET^{\$} \rightarrow RET(\text{Đ}) = i^{\$} + (E^e_{t+1} - E_t)/E_t$ (tăng giá nội tệ) hay
- $RET^{\$} \rightarrow RET(\text{Đ}) = i^{\$} - (E^e_{t+1} - E_t)/E_t$ (tăng giá ngoại tệ)

ĐIỀU KIỆN CÂN BẰNG TRÊN THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN

1. Thị trường tài sản cân bằng khi tỷ suất của tài sản ngoại tệ = tỷ suất lợi tức của tài sản nội tệ. Cụ thể:
cuu duong than cong. com
2. $RET^{\$} = RET^{\text{Đ}}$ hay
3. $i^{\$} = i^{\text{Đ}} + (E^e_{t+1} - E_t)/E_t$ (tăng giá nội tệ) hay
4. $i^{\$} = i^{\text{Đ}} - (E^e_{t+1} - E_t)/E_t$ (tăng giá ngoại tệ)

THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN & E^*_{SR}

1. Các khái niệm

- Tỷ giá hối đoái $\rightarrow E(\text{Đ}/\$)$
- Tỷ suất lợi tức tài sản nội tệ $\rightarrow RET^{\text{Đ}}$
- Tỷ suất lợi tức tài sản ngoại tệ $\rightarrow RET^{\$}$
- Tính cả tỷ suất lợi tức nội tệ & ngoại tệ đều theo nội tệ $\rightarrow RET(\text{Đ})$

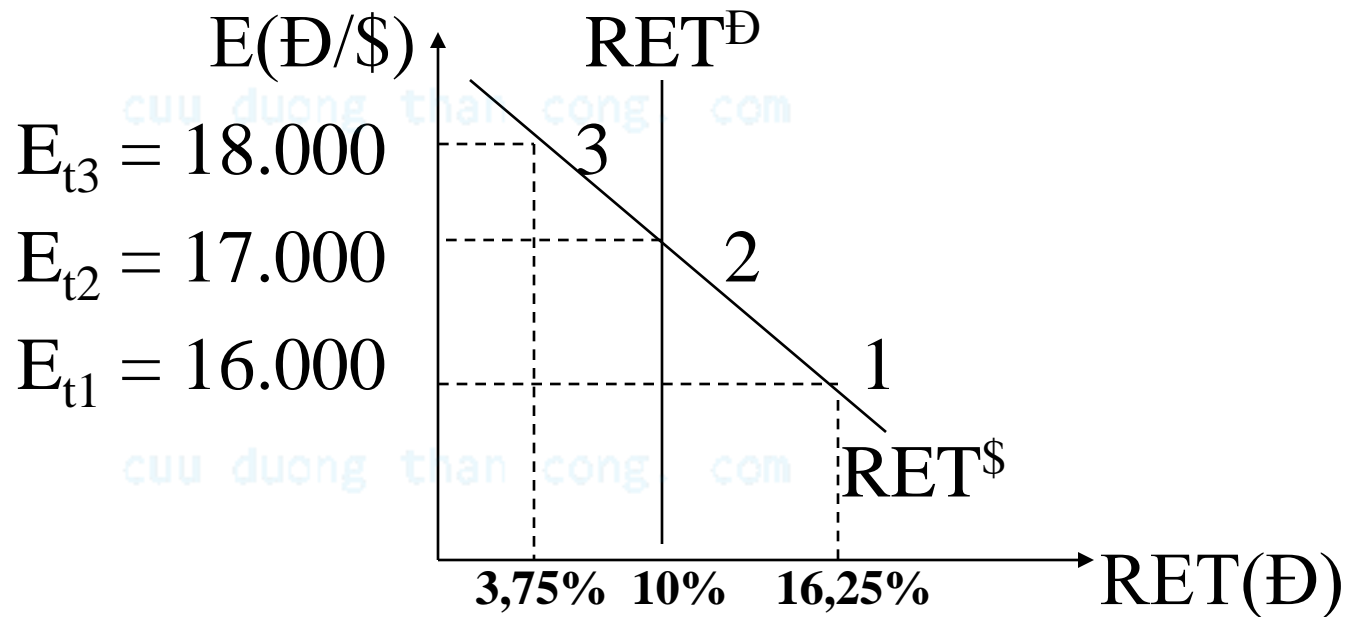
THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN & E^*_{SR} (tiếp)

2. Đồ thị

- $RET^{\text{Đ}} \rightarrow RET(\text{Đ}) = i^{\text{Đ}}$, không phụ thuộc vào $E(\text{Đ}/\$)$ $\rightarrow RET^{\text{Đ}}//E(\text{Đ}/\$)$
- $RET^{\$} \rightarrow RET(\text{Đ}) = i^{\$} + (E^e_{t+1} - E_t)/E_t$ (tăng giá của ngoại tệ). Cụ thể: nếu cho $i^{\$} = i^{\text{Đ}} = 10\%$ & $E^e_{t+1} = 17.000$. Với
 $\rightarrow E_{t1} = 16.000 \rightarrow RET^{\$_1} = 10\% + (17.000 - 16.000)/16.000 = 0,1625 = \mathbf{16,25\%}$
 $\rightarrow E_{t2} = 17.000 \rightarrow RET^{\$_2} = \mathbf{10,00\%}$
 $\rightarrow E_{t3} = 18.000 \rightarrow RET^{\$_1} = 10\% + (17.000 - 18.000)/18.000 = 0,0375 = \mathbf{3,75\%}$

THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN & E^*_{SR} (tiếp)

2. Đồ thị



NHỮNG NHÂN TỐ THAY ĐỔI E^*_{SR}

1. Những nhân tố làm dịch chuyển $RET^{\text{Đ}}$
 - Do $(i^{\text{Đ}})$ thay đổi do (i_r) thay đổi
 - Do $(i^{\text{Đ}})$ thay đổi do (π^e) thay đổi
2. Những nhân tố làm dịch chuyển $RET^{\text{\$}}$
 - Do $(i^{\text{\$}})$ thay đổi
 - Do RET^e_{t+1} thay đổi

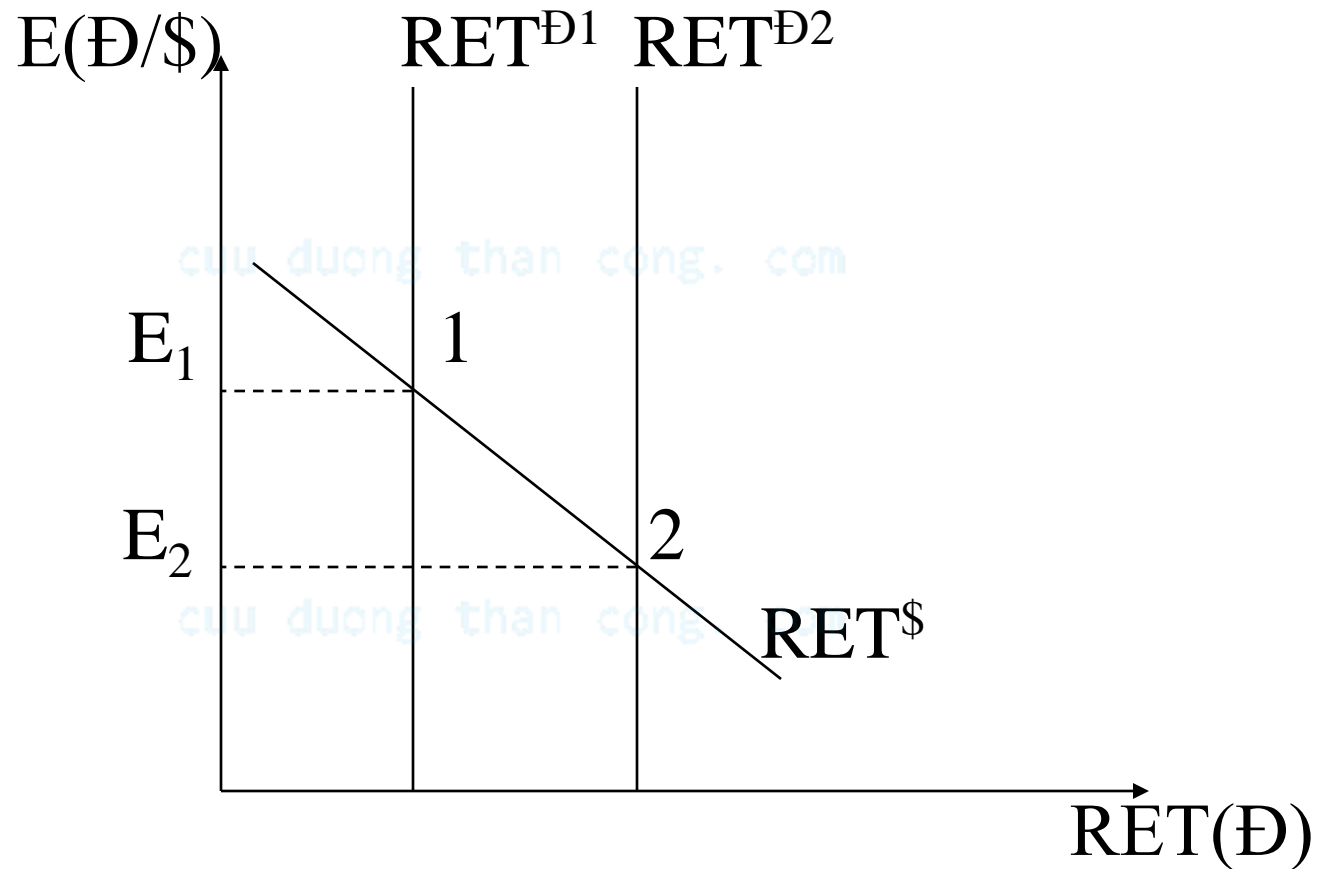
DỊCH CHUYỂN CỦA $RET^{\text{Đ}}$

- Khi $(i^{\text{Đ}})$ tăng do (i_r) tăng $\rightarrow RET^{\text{Đ}}$ tăng, dịch phải $\rightarrow E^*_{\text{SR}}$ giảm & (đ) tăng giá (*)
- Khi $(i^{\text{Đ}})$ tăng do (π^e) tăng $\rightarrow RET^{\text{Đ}}$ tăng, dịch phải nhưng $RET^{\text{\$}}$ cũng tăng & dịch phải nhanh hơn $\rightarrow E^*_{\text{SR}}$ tăng & (đ) giảm giá (**)

cuu duong than cong. com

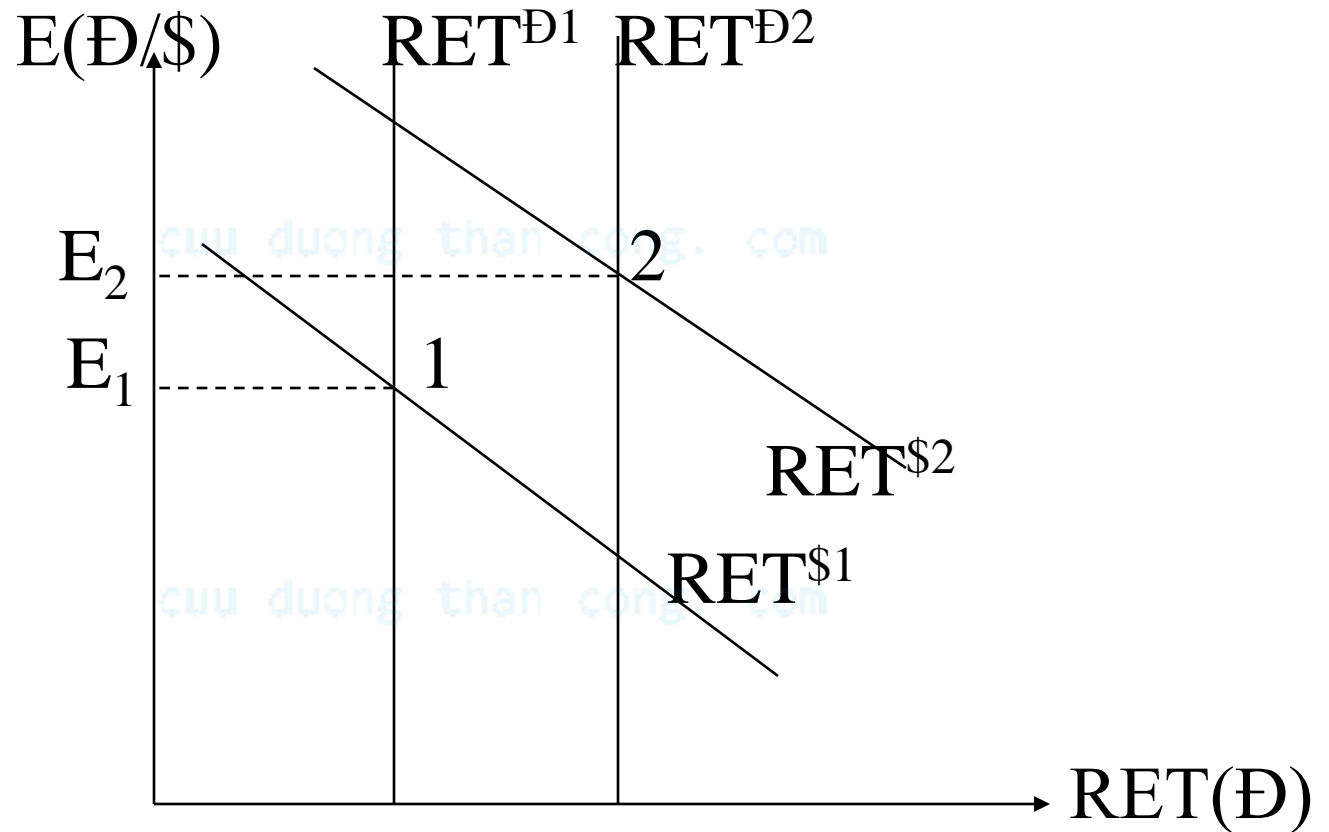
ĐỒ THỊ THAY ĐỔI CỦA E^e_{SR} (*)

(*)



ĐỒ THỊ THAY ĐỔI CỦA E^e_{SR} (**)

(**)

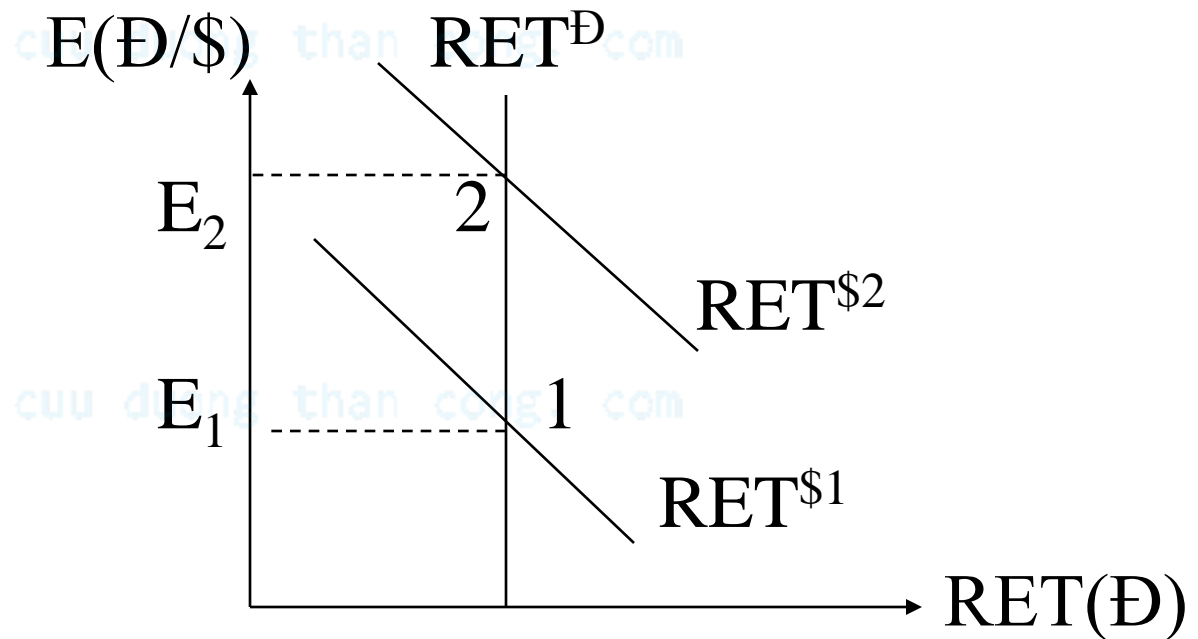


DỊCH CHUYỂN CỦA RET^{\$}

1. Do $(i^{\$})$ biến động
2. Do E^e_{t+1} thay đổi vì PL biến động
3. Do E^e_{t+1} thay đổi vì Thuế quan & Quota biến động
4. Do E^e_{t+1} thay đổi vì thích hàng nội hơn hàng ngoại
5. Do E^e_{t+1} thay đổi vì thích hàng ngoại hơn hàng nội
6. Do E^e_{t+1} thay đổi vì năng suất lao động biến động

DỊCH CHUYỂN CỦA $RET^{\$}$ DO $(i^{\$})$ THAY ĐỔI

1. Khi $(i^{\$})$ tăng $\rightarrow RET^{\$}$ tăng, dịch phải $\rightarrow E^*_{SR}$ tăng & (đ) giảm giá
2. Đồ thị



DỊCH CHUYỂN

CỦA $RET^{\$}$ DO (E^e_{t+1}) THAY ĐỔI

1. Khi PL tăng lên $\rightarrow E^*_{LR}$ tăng & (Đ) giảm giá $\rightarrow E^e_{t+1}$ tăng $\rightarrow RET^{\$}$ tăng, dịch phải $\rightarrow E^*_{SR}$ tăng & (Đ) giảm giá.
2. Khi Thuế quan & Quota tăng $\rightarrow E^*_{LR}$ giảm & (Đ) tăng giá $\rightarrow E^e_{t+1}$ giảm $\rightarrow RET^{\$}$ giảm, dịch trái $\rightarrow E^*_{SR}$ giảm & (Đ) tăng giá.
3. Khi dân cư một nước thích hàng nội hơn hàng ngoại \rightarrow tương tự như tác động của việc tăng Thuế quan & Quota \rightarrow cả E^*_{LR} & E^*_{SR} đều giảm, đồng nội tệ (Đ) tăng giá.

DỊCH CHUYỂN

CỦA $RET^{\$}$ DO (E^e_{t+1}) THAY ĐỔI (tiếp)

4. Khi dân cư một nước thích hàng ngoại hơn hàng nội \rightarrow tác động ngược lại với trường hợp thích hàng nội hơn hàng ngoại \rightarrow cả E^*_{LR} & E^*_{SR} đều tăng, đồng nội tệ (Đ) giảm giá.
5. Tác động của trường hợp năng suất lao động tăng lên ngược lại với trường hợp tác động của mức giá (PL) \rightarrow cả E^*_{LR} & E^*_{SR} đều giảm, đồng nội tệ (Đ) tăng giá.

CHÚ Ý

1. E^*_{LR} & E^*_{SR} thay đổi cùng chiều. Nếu E^e_{t+1} được dự tính tăng sẽ tác động để E^*_{SR} tăng & ngược lại.
2. Mức độ thay đổi của E^*_{SR} thường mạnh hơn so với E^*_{LR} .
3. E^*_{SR} thay đổi liên tục. Còn E^*_{LR} thay đổi ổn định hơn (*từ từ*).

TỔNG HỢP CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG E^*_{SR}

Nhân tố		Biến động	
		$E^*_{SR}(\text{Đ}/\$)$	Đồng Nội tệ(Đ)
PL	tăng	tăng	giảm giá
T&Q	tăng	giảm	tăng giá
Cầu NK	tăng	tăng	giảm giá
Cầu XK	tăng	giảm	tăng giá
NSLĐ	tăng	giảm	tăng giá
$i^{\text{Đ}}$ tăng do i_r tăng	tăng	giảm	tăng giá
$i^{\text{Đ}}$ tăng do π^e tăng	tăng	tăng	giảm giá
$i^{\$}$	tăng	tăng	giảm giá

CSTT VÀ TGHĐ

Chính phủ thực hiện CSTT mở rộng nhằm thực hiện mục tiêu giảm thất nghiệp \rightarrow kết quả

1. M_1 tăng $\rightarrow M^S$ tăng $\rightarrow i^D$ giảm, đầu tư (I) tăng, thất nghiệp (U) giảm
2. RET^D giảm, dịch trái
3. PL^e tăng $\rightarrow E_{t+1}^e$ tăng $\rightarrow RET^S$ tăng, dịch phải
4. Kéo E_{SR}^* tăng mạnh từ $E_1 \rightarrow E_2$ (xem đồ thị slide tiếp)
5. Nhưng E_{LR}^* do tác động điều chỉnh của nền kinh tế kéo i^D tăng trở lại nên tăng ít hơn từ $E_1 \rightarrow E_3$

CSTT VÀ TGHĐ (tiếp)

ĐỒ THỊ MINH HOẠ TÁC ĐỘNG CỦA CSTT

ĐẾN $E_{SR}^*(3)$ & $E_{LR}^*(2)$

